

Bản án số 52/2024/DS-PT

Ngày 30 - 01 - 2024

V/v “Kiện đòi tài sản, yêu cầu bồi
thường thiệt hại, yêu cầu xin lỗi và
cải chính công khai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 578/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Kiện đòi tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu xin lỗi và cải chính công khai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1973; cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Trần Đức Q, sinh năm 1964; cư trú tại số 340/1 đường P, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/10/2021 và ngày 23/12/2022); có mặt.

- Bị đơn: Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ: Đường 3/2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình S – Chức vụ: Trưởng Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo pháp luật.

Ông Trần Văn H– Chức vụ: Phó Trưởng Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đinh Ngọc N– Công tác tại Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2/ Ông Trần Văn T1– Công tác tại Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Địa chỉ: Đường 3/2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1970; cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T2: Ông Trần Đức Q, sinh năm 1964; cư trú tại số 340/1 đường P, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2023); có mặt.

- Người làm chứng:

1/ Ông Vương Quốc V, sinh năm 1983; cư trú tại thôn H1, xã Q1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; xin xét xử vắng mặt.

2/ Ông LVăn T3, sinh năm 1960; cư trú tại thôn H1, xã Q1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; xin xét xử vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1977; cư trú tại thôn 3, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thùy D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D là ông Trần Đức Q:

Vào khoảng 9 giờ ngày 31/5/2015 (ngày chủ nhật), ông Đinh Ngọc N– Phó đội trưởng đội ĐTTP về HS-KT-MT Công an huyện Đ nhận được tin báo “có một số xe chở đất tại khu vực nhà bà Vgây bụi bẩn, đề nghị Công an vào kiểm tra”. Ông N đã cử ông Đinh Văn L cán bộ Công an huyện Đ phụ trách địa bàn xã Q1 đến kiểm tra và thấy xe ô tô tải hiệu HUYNDAI mang biển kiểm soát 49H-8208 chạy vào hướng bãi đất cách đường nhựa khoảng 40m, xe dừng lại và tài xế tắt máy đi đâu không rõ.

Khoảng 9 giờ 10 phút ông N và ông Nguyễn Đại D có mặt tại hiện trường. Ông N đã tìm lái xe nhưng không gặp nên đã thông báo với những người xung quanh là sẽ mở cửa xe 49H-8208 và ông N đã tự mở cửa cabin để lên xe lấy chìa khóa xe và một cuốn sổ (dạng vở học sinh).

Do ông N xử lý nguồn tin báo sai quy định, hành vi vi phạm pháp luật của ông N là tự ý phá cửa xe, thu giữ chìa khóa xe và sổ ghi chép khi không có chủ xe, không có tài xế xe là vi phạm pháp luật và quy trình công tác; việc làm trên gây hậu quả nghiêm trọng sau này (trong cuốn sổ có giấy đăng ký xe, sổ đăng kiểm và thẻ bảo hiểm).

Trách nhiệm của đồng chí Trần Văn T1 – Phó trưởng Công an huyện Đ là giải quyết vụ việc thiếu quyết đoán, nhất là khi đã đến hiện trường phát hiện sai phạm của cán bộ nhưng đã không kịp thời có biện pháp giải quyết, để sự việc kéo dài gây bức xúc cho bà D. Ngoài ra, ông T1 còn liên quan đến trách nhiệm lãnh đạo khi để cán bộ chiến sỹ thuộc quyền quản lý sai phạm quy trình công tác, thiếu tế nhị, chưa bảo đảm về văn hóa ứng xử của cán bộ chiến sỹ Công an trong thực thi nhiệm vụ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã căn cứ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 để mang xe ô tô tải hiệu HUYNDAI mang biển kiểm soát 49H-8208 về Công an huyện Đ đây là việc làm sai quy định của pháp luật. Công an huyện Đ khám nghiệm hiện trường, thu giữ tang vật mà không có biên bản thu giữ tang vật là trái quy định pháp luật. Hơn nữa, không có quy định nào cho phép cơ quan Công an mang tang vật về bảo quản.

Trong khi xe của bà D đang bị thu giữ tại Công an huyện Đ thì ngày 02/10/2015, Công an huyện Đ ban hành Thông báo số 61/TB về việc truy tìm chủ sở hữu tài sản gửi cho Đài phát thanh T2 hình, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn Đ, huyện Đ là trái pháp luật. Do đó, bà Nguyễn Thùy D căn cứ vào Công văn số 348/CV-CAH ngày 28/10/2015 của Công an huyện Đ và các tài liệu chứng cứ liên quan, xác định bà bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của cán bộ Công an huyện Đ gây ra nên bà D khởi kiện yêu cầu Công an huyện Đ trả lại:

- + Xe ô tô tải hiệu HUYNDAI mang biển kiểm soát 49H-8208.
- + Giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát 49H-8208.
- + Sổ đăng kiểm xe mang biển kiểm soát 49H-8208.
- + Thẻ bảo hiểm xe mang biển kiểm soát 49H-8208.
- + Chìa khóa xe mang biển kiểm soát 49H-8208.

2. Yêu cầu Công an huyện Đ bồi thường thiệt hại theo Luật bồi thường nhà nước với tổng số tiền là, trong đó: Bồi thường thiệt hại vật chất do xe mang biển kiểm soát 49H-8208 bị hư hỏng 80% giá trị sử dụng là 280.000.000đ; thu nhập hàng tháng hơn 08 năm là: 3.431.013.961đ; tổn hại tinh thần là: 14.900.000đ.

3. Yêu cầu trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền bị đơn Công an huyện Đ là ông Trần Văn H:

Công an huyện Đ không Đ1 ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy D. Vụ việc liên quan đến chiếc xe ô tô HUYNDAI, biển kiểm soát 49H-8202 của bà D đã được Công an huyện Đ trả lời cho bà D, và có quan điểm bồi

thường theo Công văn số 348/CV-CAH ngày 28/10/2015, do Đại tá Đinh Quang T4 – Trưởng Công an huyện ký trả lời kết quả giải quyết tố cáo của bà D; Công văn này đã được gửi cho bà D. Từ đó đến nay bà D không có ý kiến, khiếu nại gì. Xét thấy thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đã hết. Công an huyện Đ đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T2 là ông Trần Đức Q:

Xe ô tô tải 49H-8208 là tài sản chung của hai vợ chồng ông như bản tự khai ngày 14/6/2015. Ông hoàn toàn nhất trí với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thùy D, nhất trí hoàn toàn với mức yêu cầu Công an huyện Đ phải bồi thường do sai phạm của người thi hành công vụ gây ra.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Ngọc Nam:

Vào lúc hơn 09 giờ ngày 31/5/2015, khi đang ở cơ quan, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có một số xe ô tô chõ đất khu vực xã Q1 lấy đất từ quả đồi nhà bà V(thôn 1, xã Q1) gây ra bụi, ô nhiễm môi trường. Ông có điện thoại cho ông Đinh Văn L(cán bộ phụ trách địa bàn, lĩnh vực) vào xác minh. Khoảng 10 phút sau, ông L có điện thoại báo lại là phát hiện xe máy múc đang thực hiện việc múc đất nhà bà Kiều Thị V và có xe ô tô chõ đất. Lúc này ông có điện thoại thông báo cho chị Nguyễn Thị Q2(Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phụ trách lĩnh vực khoáng sản); đồng thời nói chị thông báo cho Ủy ban nhân dân xã cử người ra chứng kiến. Ngay lúc đó, ông có điện thoại cho ông Nguyễn Đại D(sinh viên thực tập tại đội) tới chõ ông cùng đi.

Trên đường đi vào, ông và ông D1 có gặp 01 chiếc xe ô tô tải ben, trên xe có chõ đất chạy ngược ra hướng thị trấn Đ, do đi ngược chiều và nhanh nên ông chỉ nhớ được số đuôi của xe là ...8203. Khi ông và ông D1 vào đến nơi thì đã có mặt của chị Q2, anh L và anh Trần Ngọc T5(Kê toán xã do Chủ tịch cử ra). Lúc này ông đã thấy xe ô tô BKS 49H-8208 đang đậu bên ngoài, còn máy múc vẫn đang đậu bên trong nơi múc đất. Ông có hỏi ông L và cán bộ đi cùng là tài xế ở đâu thì mọi người nói khi thấy lực lượng chức năng vào thì các tài xế đều bỏ đi. Theo đồng chí L báo lại thì chiếc xe ô tô BKS 49H-8208 đang chạy vào trong bãi múc đất, khi thấy lực lượng chức năng vào thì tài xế quay xe chõ ra và đậu ngoài lề đường khu vực đất nhà bà Vui. Còn đối với chiếc xe máy múc, tài xế xe đóng khóa cửa bỏ đi. Ngoài ra, khi đến nơi ông còn nghe mọi người có mặt ở đó nói rằng có một xe chõ đất khác mới múc đất chạy ra nhưng không rõ biển số xe.

Khi dừng xe, ông có đi thẳng ra phía sau máy múc, có ông L và ông D1 đi cùng để kiểm tra hiện trường và chụp hình; vừa đi, ông L vừa báo cáo về việc lúc ông L đến là có tài xế xe máy múc và xe tải nhưng giờ họ đã bỏ đi. Sau đó ông và đồng chí trong đoàn có đứng gọi to, ai là chủ xe hoặc tài xế xe thì ra nhận xe nhưng không có ai ra nhận cả; khoảng 10 phút sau, ông có thông báo với mọi người là do xe không có người nhận nên sẽ đại diện cho mọi người mở cửa xe để

lấy chìa khóa xe. Khi đó, ông cầm vào chốt cửa, bấm chốt và mở cửa ra, đồng thời bước lên bậc lên xuống của xe, đu lên xe, rút chìa khóa và thấy có cuốn sổ ghi chép chằm công lấy đất (cuốn sổ kẹp ngay bên cạnh ghế tài xế), ông lấy xuống và thông báo với mọi người trên xe chỉ có hai vật như vậy, ngoài ra không có thêm gì khác. Khi ông bước tới mở cửa thì có ông L, ông D1 và chị Q2 đứng ngay đó chứng kiến, cách khoảng 2-3m, ngoài ra còn có nhiều người khác cùng chứng kiến việc ông mở xe. Sau khi lấy xong hai vật trên thì ông nhảy xuống xe đồng thời thông báo cho mọi người biết và đi vào trong khu vực mái vòm của nhà bà V để tiến hành lập biên bản.

Việc lập biên bản vụ việc, có sự chứng kiến của tất cả mọi người; ông không nhớ rõ lúc trèo lên xe có anh T5 nhìn thấy hay không nhưng khi lấy xong ông có thông báo với mọi người thì có mặt anh Tuấn. Trước khi trèo lên xe, ông có gọi cho ông Đỗ Quang Đ1 (Trưởng công an xã) ra phối hợp nhưng do ông Đông đi vắng nên đã cử anh Đỗ Duy T6 (Công an viên thường trực) cũng đến tham gia. Lúc này trong đoàn biết xe này là của nhà anh T2, chị D nên chị Q2 đã gọi điện cho anh T2 nhưng anh không bắt máy. Mục đích của việc ông lấy chìa khóa và cuốn sổ là muốn làm rõ chủ xe (hoặc tài xế xe) đã thực hiện hành vi khai thác đất chứ không vì mục đích khác (về mục đích này ông có bàn trước với đồng chí Q2 và ông L).

Ông có giao cho ông D1 viết biên bản nhưng ông là người ký lập biên bản. Trong quá trình viết biên bản, ông có cử ông T6 (Công an viên) chạy ra hướng thị trấn để tìm và xác định biển số xe chờ đất đã chạy ra nhưng không tìm thấy xe. Lúc này biên bản đã được lập xong, vẫn để trống phần biển số xe chưa rõ nhưng không sửa lại biên bản và tất cả mọi người chứng kiến cùng ký tên, trước khi về ông có thông báo với chủ nhà là “Nếu có ai tới nhận là chủ xe hoặc tài xế xe thì cô thông báo dùm cháu ra gặp ông N- Công an huyện để nhận lại chìa khóa và sổ nhé”. Rồi các ông ra về. Trên đường về ông có báo cáo vụ việc với Trưởng Công an và đồng chí T7- Đội trưởng.

Đến khoảng 11 giờ, ông có nhận được điện thoại của một người phụ nữ tên là D với nội dung: “Em mang chìa khóa, sổ và 10.000.000 đồng vào trả cho chị”. Tôi nói là “10.000.000 đồng nào hả chị” thì bà D nói là “tiền để trên xe”, sau đó bà D nói rất nhiều và gay gắt kêu là sẽ gửi đơn đến các nơi, ông có trả lời là “tôi có lấy tiền đâu mà sợ, sao chị lại làm thế? xong bà D tắt máy không nói gì nữa. Khoảng 15 phút sau, có một người đàn ông cũng gọi điện và kêu ông phải mang những thứ trên vào trả cho ông ấy rồi tắt máy.

Đến khoảng 12 giờ ông có điện thoại cho ông D1, ông L, chị Q2 và ông H2, ông L1 (trực chiến được trực ban cứ vào) và một số người có liên quan tới hiện trường ở nhà bà V để gặp bà D làm việc. Khi đến nơi ông thấy bà D và rất nhiều người có mặt tại đây (theo ông L báo thì có mặt cả hai tài xế xe máy và xe ô tô). Khi đó ông và ông H2 tới yêu cầu bà D cho kiểm tra giấy tờ chứng minh là chủ xe nhưng bà D không cho. Khi bà D và một số người khác có hành vi chửi bới, xúc phạm ông và các cán bộ khác nên không tiến hành làm việc được và

cũng không nói thêm điều gì với bà D nữa. Lúc này ông có giao cho ông L1 làm việc với bà D, lập biên bản ghi nhận lại việc bà D bị mất tiền.

Một lúc sau, có anh T8 (là cán bộ Công ty Lâm nghiệp) cũng có mặt và chửi bới, xúc phạm tổ công tác không cho tổ công tác được giải thích hay làm việc. Khi đó ông có giao cho ông L1 và ông D1 lấy mẫu đất trên xe thì có một số người tự xưng là chủ xe ngăn cản không cho lấy nên ông L1 và ông D1 xuống xe. Nhận thấy vụ việc diễn biến phức tạp nên ông đã báo cáo trực ban và Lãnh đạo đơn vị điều động thêm cán bộ chiến sĩ trực chiến vào hỗ trợ giải quyết tình hình.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút – 13 giờ 30 phút có ông Nông Hùng C, ông L2 (sinh viên thực tập) được trực ban cử vào hỗ trợ, giải thích cho bà D nhưng bà D vẫn có hành động to tiếng, xúc phạm những người có mặt. Sau đó, do tình hình phức tạp nên ông điện thoại cho lãnh đạo đơn vị và trực ban cử thêm người hỗ trợ nhằm giải quyết tình hình. Đến buổi chiều và tối cùng ngày thì có thêm một số cán bộ khác được cử vào hỗ trợ bao gồm: Ông T1, ông Đ1, ông B, ông D2, ông G, ông H3, ông T4, ông H4 (sinh viên thực tập), ông Phúc S1. Lúc này có rất nhiều người dân hiếu kỳ cũng có mặt tại hiện trường và đứng hai bên đường.

Khoảng 19 giờ, ông T1 có yêu cầu ông gặp và trả lại giấy tờ xe chìa khóa cho bà D; tuy nhiên bà D không nhận lại mà yêu cầu đòi 10.000.000 đồng bị mất trên xe. Chính vì vậy, lãnh đạo đơn vị đã phân công ông cùng một số cán bộ khác có nhiệm vụ ở lại hiện trường để bảo vệ hiện trường phục vụ công tác điều tra xác minh giải quyết tin báo mất tài sản của bà D.

Đến sáng ngày 01/06/2015, Trưởng Công an huyện yêu cầu ông bàn giao lại chiếc xe và cuốn sổ ghi chép mà tổ công tác đã tạm giữ cho Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự - Kinh tế - Môi trường để phục vụ cho công tác giải quyết tố tin báo tố giác tội phạm của bà D.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, bản thân ông nhận thấy chưa thực hiện đúng quy trình công tác, chưa đủ cơ sở để kết luận sai phạm hành vi khai thác đất trái phép của tài xế xe ô tô nhà bà D. Vì vậy, bản thân đã nhiều lần trực tiếp gặp để xin lỗi bà D về sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng bà D không chấp nhận.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Thường:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 31/05/2015, ông nhận được điện thoại chỉ đạo của Trưởng Công an huyện Đ, phân công ông vào chỉ đạo giải quyết vụ việc liên quan đến hành vi khai thác đất trái phép tại thôn 1, xã Q1, huyện Đ. Khi ông tới hiện trường, ông N (*Phó Đội trưởng Đội CSĐT TP về HS-KT-MT*) báo cáo: Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 31/05/2015, có nhận được điện thoại của người dân phản ánh có một số xe ô tô chõ đất ở khu vực gần nhà bà V ở thôn 1, xã Q1 gây bụi bẩn, đề nghị Công an huyện vào kiểm tra. Ông N đã điện báo ông Q2- Cán bộ Phòng Tài nguyên môi trường huyện và báo UBND xã Q1 cử cán

bộ phối hợp kiểm tra. Khi tổ công tác tới hiện trường thì có 01 xe ô tô hiệu HUYNDAI biển số 49H-8208 đang đậu tại khu đất trống trước nhà bà Vui, gần đường liên xã, phía bên trong, sát đồi đất cạnh nhà bà V có 01 xe máy mức đang đậu (*không có tài xế*). Tổ công tác đã đến xe ô tô biển số 49H-8208, trực tiếp ông N mở cửa cabin xe, rút chìa khóa và lấy cuốn sổ ghi chép trên cabin xe và đoàn công tác lập biên bản tạm giữ, có sự chứng kiến của ông Lâm Văn T3 - Thôn trưởng thôn 1, xã Q1. Sau khi tạm giữ, ông N có dặn lại bà Kiều Thị V khi lái xe đến thì nhắn giúp đến gặp anh Nam - Công an huyện để làm việc. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thùy D điện thoại cho ông N yêu cầu trả lại chìa khóa xe và 10.000.000 đồng. Ông N khẳng định tổ công tác chỉ tạm giữ chìa khóa xe và cuốn sổ ghi chép, ngoài ra không thu giữ gì khác.

Qua sự việc trên ông xác định, sự việc xảy ra được phân biệt ở hai thời điểm và hai cơ quan thực hiện riêng biệt. Cụ thể: Hoạt động của tổ liên ngành ngày 31/5/2015 là thực hiện không đúng quy trình; việc thu giữ chìa khóa, sổ trên xe khi chưa xác định được vi phạm và chủ sở hữu là không đúng quy định.

Từ ngày 01/6/2015 trở đi thì đây là hoạt động của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, quá trình thực hiện có sự kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân huyện và đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Vương Quốc V:

Ngày 02/6/2015, Công an huyện Đ có đến nhà ông lập biên bản khám nghiệm hiện trường vụ bà Nguyễn Thùy D, trình báo bị mất tài sản để trong cabin xe ô tô biển số 49H-8208, trong quá trình khám nghiệm hiện trường bà D có mặt tại hiện trường khám nghiệm. Tuy nhiên, đến khi bàn giao xe thì bà D rời khỏi hiện trường không ký vào biên bản.

Ông là người chứng kiến việc khám nghiệm hiện trường và có viết xác nhận bà Nguyễn Thùy D đứng dậy đi về.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông LVăn T3:

Ngày 02/6/2015, Công an huyện Đ có đến nhà bà Kiều Thị V khám nghiệm hiện trường vụ bà Nguyễn Thị D, trình báo mất tài sản trong cabin xe ô tô biển số 49H-8208, khi khám nghiệm hiện trường ông chứng kiến thấy bà D có mặt tại buổi khám nghiệm; nhưng đến 11 giờ 00 ngày 02/6/2015, sau khi hoàn tất việc khám nghiệm Cơ quan điều tra Công an huyện Đ giao chiếc xe ô tô 49H-8208 cho bà Nguyễn Thùy D chủ sở hữu xe, nhưng bà Nguyễn Thùy D không nhận xe mà tự ý bỏ về.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Văn P1:

Ngày 02/6/2015, Công an huyện Đ có đến nhà bà Kiều Thị V khám nghiệm hiện trường vụ bà Nguyễn Thùy D, trình báo mất tài sản để trong cabin xe ô tô biển số 49H 8208.

Khi Công an khám nghiệm hiện trường, ông là người chứng kiến Công an huyện Đ đã giao lại chiếc xe cho bà D nhưng bà D không nhận xe và đứng dậy ra về.

Ông xác nhận chữ ký và chữ viết trong biên bản khám nghiệm hiện trường là của ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

1- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc buộc Công an huyện Đ bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước với số tiền 3.431.013.961đ (bồi thường thiệt hại vật chất do xe mang biển kiểm soát 49H-8208 bị hư hỏng 80% giá trị sử dụng là 280.000.000đ; bồi thường thu nhập hàng tháng hơn 08 năm là 3.136.113.961đ; bồi thường tổn hại tinh thần là 14.900.000đ).

2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc “*Kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn Công an huyện Đ.

Buộc Công an huyện Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thùy D, ông Nguyễn Hữu T2 01 xe ô tô tải hiệu HUYNDAI mang biển kiểm soát 49H-8208 (xe không kiểm tra chất lượng bên trong) và 01 chìa khóa xe mang biển kiểm soát 49H-8208.

3- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc yêu cầu Công an huyện Đ trả lại Giấy đăng ký xe, Sổ đăng kiểm xe và Thẻ bảo hiểm xe mang biển kiểm soát 49H-8208.

4- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc yêu cầu Công an huyện Đ trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/6/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thùy D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc Công an huyện Đ phải có nghĩa vụ bồi thường về tài sản hư hỏng, thiệt hại phát sinh do việc không sử dụng, khai thác tài sản là thu nhập thực tế bị mất, bồi thường tổn hại tinh thần và xin lỗi công khai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q đại diện cho bà Nguyễn Thùy D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Công văn số 348/CV-CAH ngày 28/10/2015 xác định lỗi của cán bộ chiến sĩ công an trong khi thi hành công vụ giữ xe biển số 49H-8208 của bà D. Bà D khởi kiện yêu cầu bồi thường căn cứ vào Công văn số 348/CV-CAH

ngày 28/10/2015. Quá trình giải quyết vụ án, bà D trình bày ngày 29/10/2015 bà nhận công văn nói trên, căn cứ văn bản trên bà yêu cầu bồi thường. Ngày 26/10/2021 bà D mới khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D là có căn cứ. Đối với yêu cầu xin lỗi và cải chính công khai thì chỉ áp dụng đối với người bị thiệt hại trong tố tụng hình sự, đối với vi phạm của ông N trong lĩnh vực quản lý hành chính không thuộc trường hợp phải trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai. Do đó kháng cáo của bà D không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà D, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thùy D là nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thùy D yêu cầu Công an huyện Đ bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước với tổng số tiền 3.431.013.961 đồng (bồi thường thiệt hại vật chất do xe mang biển kiểm soát 49H-8208 bị hư hỏng 80% giá trị sử dụng là 280.000.000đ; bồi thường thu nhập hàng tháng hơn 08 năm là 3.136.113.961đ; bồi thường tổn hại tinh thần là 14.900.000đ) và yêu cầu trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công an huyện Đ cho rằng việc khởi kiện của bà Nguyễn Thùy D đã hết thời hiệu, vì theo nội dung Công văn số 348/CV-CAH ngày 28/10/2015, bà D đã biết và đã được nhận do Công an huyện Đ gửi qua đường bưu điện cùng ngày 26/10/2015; tuy nhiên, đến ngày 26/10/2021 bà D mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện.

Theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước 2017 (điểm a khoản 1 Điều 52) thì *“thời hiệu khởi kiện là 3 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu bồi thường nhận được văn bản làm căn cứ bồi thường”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D thừa nhận đã nhận được Công văn số 348/CV-CAH ngày 28/10/2015 của Công an huyện Đ vào ngày 29/10/2015 và căn cứ vào công văn này để yêu cầu bồi thường. Như vậy, thời hiệu để bà D được quyền khởi kiện là 03 năm kể từ ngày 29/10/2015 (thời hạn cuối khởi kiện là ngày 29/10/2018), nhưng đến ngày 21/6/2021 bà D mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện. Ngoài ra, bà D không xuất trình được chứng cứ nào thể hiện bà không khởi kiện trong thời hạn luật định là do trở ngại khách quan.

Do đó, việc Công an huyện Đ yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 và Điều 218

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D là có căn cứ.

[2.2] Thực tế ông N có vi phạm trong quá trình kiểm tra về nội dung khai thác và vận chuyển đất không có giấy phép, đây là hoạt động quản lý hành chính nhà nước và hành vi vi phạm của ông N khi thực hiện nhiệm vụ là tự ý thu giữ chìa khóa xe, cuốn sổ ghi chép trên xe ô tô tải mang biển kiểm soát 49H-8208 khi chưa xác định có lỗi vi phạm là thuộc trường hợp “*Áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính*” theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009 và “*Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017.

Theo quy định tại Điều 51 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009 thì việc khôi phục danh dự bằng hình thức trực tiếp xin lỗi, cải chính công khai chỉ áp dụng đối với người bị thiệt hại trong tố tụng hình sự; và theo quy định tại Điều 56, 58, 59 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 thì việc phục hồi danh dự bằng hình thức xin lỗi, cải chính công khai chỉ áp dụng đối với người bị thiệt hại trong tố tụng hình sự; người bị thiệt hại thiệt hại trong trường hợp bị buộc thôi việc trái pháp luật, bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. Như vậy, đối với vi phạm của ông N trong lĩnh vực quản lý hành chính không thuộc trường hợp phải trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà D là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ y án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà D được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 và khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1, 2 Điều 37; khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 33; điểm a, b khoản 1 Điều 53 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thùy D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

1- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc buộc Công an huyện Đ bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước với số tiền 3.431.013.961đ (bồi thường thiệt hại vật chất do xe mang biển kiểm soát 49H-8208 bị hư hỏng 80% giá trị sử dụng là 280.000.000đ; bồi thường thu nhập hàng tháng hơn 08 năm là 3.136.113.961đ; bồi thường tổn hại tinh thần là 14.900.000đ).

2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc “*Kiểm đòi tài sản*” đối với bị đơn Công an huyện Đ.

Buộc Công an huyện Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thùy D, ông Nguyễn Hữu T2 01 xe ô tô tải hiệu HUYNDAI mang biển kiểm soát 49H-8208 (xe không kiểm tra chất lượng bên trong) và 01 chìa khóa xe mang biển kiểm soát 49H-8208.

3- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc yêu cầu Công an huyện Đ trả lại Giấy đăng ký xe, Sổ đăng kiểm xe và Thẻ bảo hiểm xe mang biển kiểm soát 49H-8208.

4- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D về việc yêu cầu Công an huyện Đ trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

5- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà D được miễn án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương